

BẢN TIN PHÁP LUẬT



QUY ĐỊNH VỀ:

- QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG AN NINH, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI
- QUY ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 293/2025/NĐ-CP
- QUY ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH MỨC GIẢM TRỪ GIA CẢNH CỦA THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
- QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ VIỆC KÉO DÀI THỜI HẠN MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP
- THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ BẰNG VIỆC SỬ DỤNG THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01/01/2026

I. QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG AN NINH, TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

Vào ngày 30/10/2025, Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 282/2025/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình. Theo đó, Điều 8 quy định chi tiết về xử phạt hành vi vi phạm trật tự công cộng như sau:

Hiệu lực thi hành

15/12/2025

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi:

Gây mất trật tự công cộng; Thả rông động vật nuôi trong đô thị hoặc nơi công cộng; Vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;....

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi:

Sử dụng rượu, bia, các chất kích thích gây mất trật tự công cộng; Tổ chức, tham gia tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng; Để động vật nuôi gây thương tích hoặc gây thiệt hại tài sản cho tổ chức, cá nhân khác;....

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định một số hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực trật tự công cộng với mức xử phạt nghiêm khắc hơn, từ 4.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, kèm theo các hình phạt bổ sung. Quý Khách hàng có thể tìm đọc chi tiết toàn bộ quy định về các hành vi vi phạm và mức xử phạt tương ứng tại Nghị định số 282/2025/NĐ-CP.



II. QUY ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 293/2025/NĐ-CP

Nghị định số 293/2025/NĐ-CP Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động vừa được Chính phủ ban hành vào ngày 10/11/2025. Theo đó, quy định mức lương tối thiểu tháng đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo vùng như sau:

Hiệu lực thi hành

01/01/2026

Vùng	Nghị định số 293/2025/NĐ-CP (Đồng/ tháng)	Nghị định 74/2024/NĐ-CP (Đồng/ tháng)	Mức tăng giữ 2 Nghị định (Đồng)
Vùng I:	5.310.000	4.960.000	Tăng 350.000
Vùng II:	4.730.000	4.410.000	Tăng 320.000
Vùng III:	4.140.000	3.860.000	Tăng 280.000
Vùng IV:	3.700.000	3.450.000	Tăng 250.000

Vùng	Nghị định số 293/2025/NĐ-CP (Đồng/ giờ)	Nghị định 74/2024/NĐ-CP (Đồng/ giờ)
Vùng I:	25.500	23.800
Vùng II:	22.700	21.200
Vùng III:	20.000	18.600
Vùng IV:	17.800	16.600



III. QUY ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH MỨC GIẢM TRỪ GIA CẢNH CỦA THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Vào ngày 17/10/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành **Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15** về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân. Theo đó, quy định điều chỉnh cụ thể như sau:

	Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15	Điều 1 Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14
Người nộp thuế	15,5 triệu đồng/tháng	11 triệu đồng/tháng
	186 triệu đồng/năm	132 triệu đồng/năm
Người phụ thuộc	6,2 triệu đồng/tháng	4,4 triệu đồng/tháng

Mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân quy định tại Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01/01/2026 và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.**



IV. QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ VIỆC KÉO DÀI THỜI HẠN MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Vừa qua vào ngày 06/11/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 292/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 216/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, cụ thể như sau:

Hiệu lực thi hành

01/01/2026

đến

31/12/2030

1. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm theo quy định của pháp luật về đất đai; diện tích đất làm muối.

2. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao hoặc công nhận quyền sử dụng đất cho hộ nghèo.

3. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao, công nhận quyền sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp (bao gồm cả nhận thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp).

b) Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nhận đất giao khoán ổn định của công ty nông, lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền sử dụng đất nông nghiệp của mình để thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.



IV. QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ VIỆC KÉO DÀI THỜI HẠN MIỄN THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP (tt)

4. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Trường hợp các đơn vị này không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai. Trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Nghị định số 292/2025/NĐ-CP có **hiệu lực từ ngày 01/01/2026**.

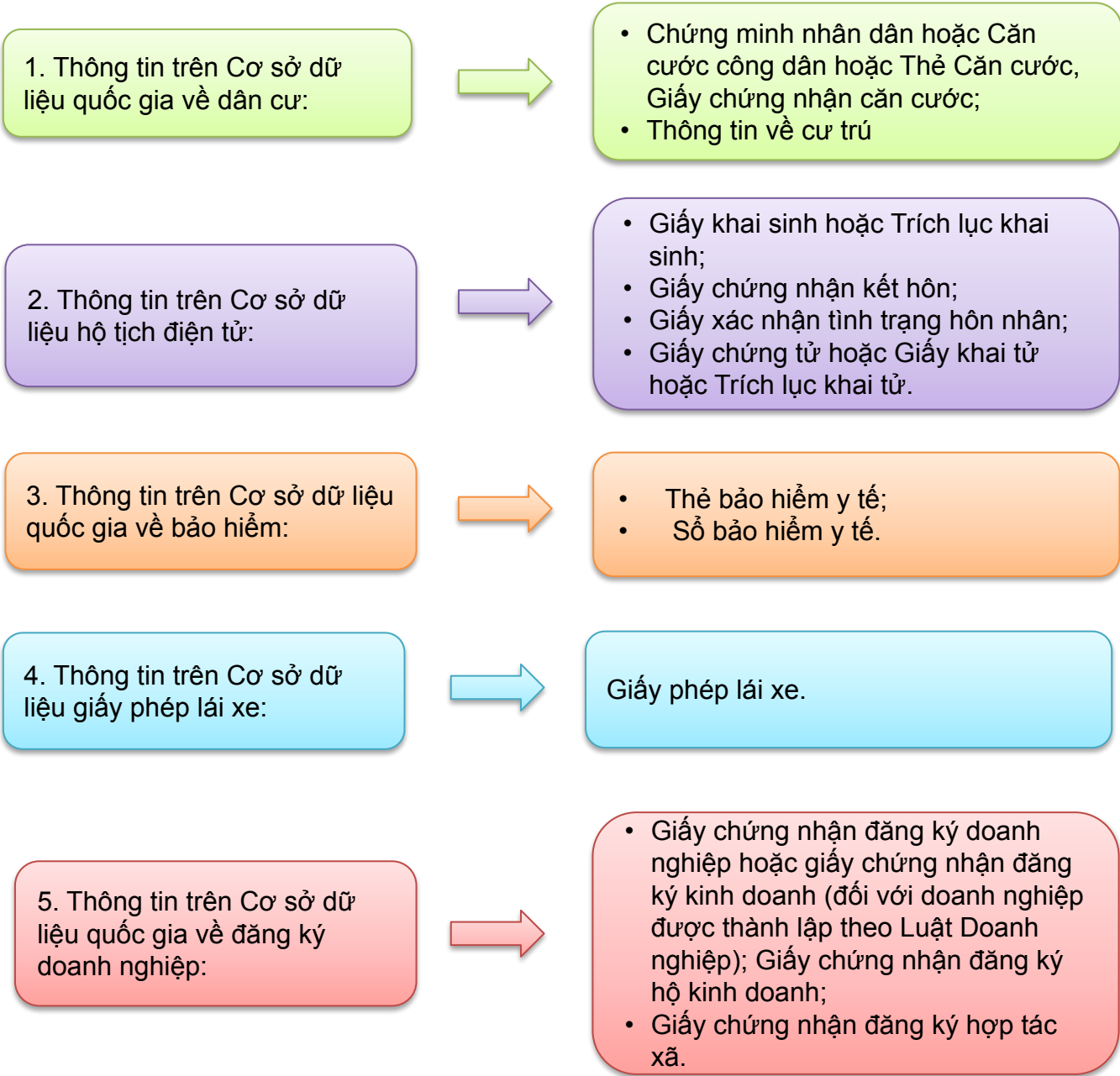
Đồng thời, quy định về **thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp** quy định tại Nghị định này được thực **hiện từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030**.



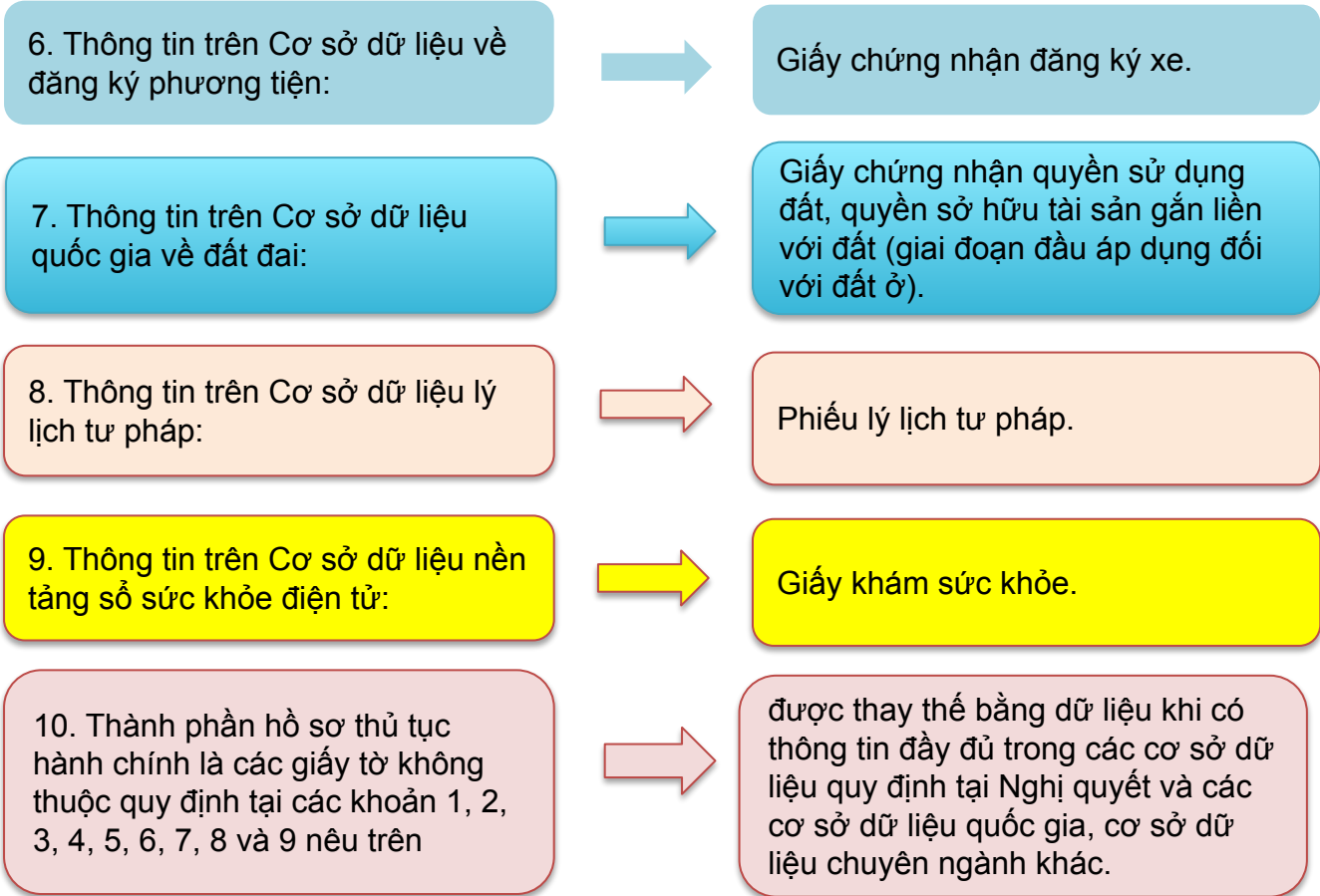
V. THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ BẰNG VIỆC SỬ DỤNG THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01/01/2026

Vào ngày 15/11/2025, Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu được ban hành. Theo đó, thành phần hồ sơ thủ tục hành chính được thay thế bằng việc khai thác thông tin trực tiếp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bao gồm:

Hiệu lực thi hành
15/10/2025



V. THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ BẰNG VIỆC SỬ DỤNG THÔNG TIN TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01/01/2026 (tt)



Như vậy, kể từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 28/02/2027 trừ trường hợp được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 10 Nghị quyết này, thành phần các hồ sơ thủ tục hành chính quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP được thay thế bằng việc sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu.



Điều 10. Hiệu lực thi hành

2. Đối với quy trình giải quyết thủ tục hành chính được tái cấu trúc và công bố theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết này trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì thành phần hồ sơ thủ tục hành chính thay thế bằng dữ liệu được thực hiện kể từ ngày đó.

3. Trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực, nếu luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính liên quan đến quy định tại Nghị quyết này được thông qua hoặc ban hành, có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.